

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



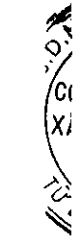
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên

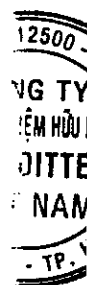
Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2013)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2012)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc

Bùi Ngọc Hưng

Ngày 18 tháng 3 năm 2013



Số: 691 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013, từ trang 5 đến trang 42. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC để xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với giá trị là khoảng 1.322 tỷ đồng. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án và xử lý các phát sinh chưa lường hết của dự án với tổng giá trị đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thêm là khoảng 1.313 tỷ đồng. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 31 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt, dự toán phát sinh được các đơn vị tư vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Tổng Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản lỗ tiềm tàng và chi phí phát sinh ngoài hợp đồng nào vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính này chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính đến các vấn đề sau (Tiếp theo):

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Tổng Công ty đã thực hiện một phần giá trị hợp đồng và đã ký hợp đồng giao thầu cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) tiếp tục thực hiện phần giá trị còn lại của công trình với giá trị là 43.291.007 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, PVC Hà Nội đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TITV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các bên liên quan chưa thống nhất và ký chính thức phụ lục hợp đồng về giá trị bổ sung của công trình. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh thanh toán cho các tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có), ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay. Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ đồng và đã ghi nhận là khoản phải thu khác, ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã quá hạn là khoảng 643 tỷ đồng. Tại thời điểm lập kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với các khoản thực hiện bảo lãnh nêu trên và đã trích lập dự phòng cho các bảo lãnh quá hạn trên 6 tháng với mức trích lập là 30% (không tính đến khoản bảo lãnh cho khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với giá trị dự phòng khoảng 35,8 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng rằng mức trích lập trên là phù hợp và Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”). Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu của năm trước theo kiến nghị nêu tại báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2011 của Tổng Công ty.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		7.435.338.409.474	3.814.579.701.988
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	236.623.367.567	214.241.949.240
1. Tiền	111		176.623.367.567	149.241.949.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	65.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.100.000.000	6.936.563.433
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	70.100.000.000	6.936.563.433
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.007.246.388.058	3.232.594.018.289
1. Phải thu khách hàng	131	8	502.884.041.289	398.362.432.702
2. Trả trước cho người bán	132	9	3.671.797.176.920	1.298.099.949.556
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	10	1.407.850.468.767	1.573.592.768.385
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(575.285.298.918)	(37.461.132.354)
IV. Hàng tồn kho	140	11	356.576.818.140	298.975.161.931
1. Hàng tồn kho	141		356.576.818.140	298.975.161.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.764.791.835.709	61.832.009.095
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		409.997.681	11.097.668.386
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.334.717.473	38.713.517.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	25	21.257.340.005	1.158.069.386
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	1.689.789.780.550	10.862.754.283
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.968.744.012.476	3.577.881.590.139
I. Tài sản cố định	220		203.898.491.029	205.404.543.070
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	41.073.693.310	42.266.507.654
- Nguyên giá	222		68.731.086.165	61.734.524.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.657.392.855)	(19.468.016.933)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	3.100.826.968	4.085.596.864
- Nguyên giá	225		6.123.828.270	6.123.828.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.023.001.302)	(2.038.231.406)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.679.842.634	2.984.433.136
- Nguyên giá	228		4.620.481.775	4.598.317.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.940.639.141)	(1.613.883.981)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	158.044.128.117	156.068.005.416
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.650.758.514.009	3.234.357.591.410
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	2.490.966.051.563	2.250.450.495.040
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	332.688.907.055	671.188.907.055
3. Đầu tư dài hạn khác	258	19	526.876.021.999	532.376.021.999
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	20	(699.772.466.608)	(219.657.832.684)
III. Tài sản dài hạn khác	260		114.087.007.438	138.119.455.659
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	21	114.087.007.438	134.072.276.461
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	-	4.047.179.198
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.404.082.421.950	7.392.461.292.127

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

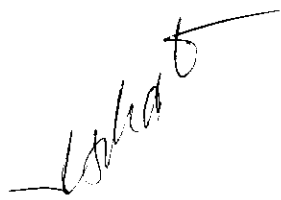
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		7.660.329.457.763	4.678.103.581.714
I. Nợ ngắn hạn	310		7.522.897.836.225	4.610.958.867.006
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	23	1.109.388.360.516	1.635.485.071.210
2. Phải trả người bán	312		185.153.663.972	378.576.649.867
3. Người mua trả tiền trước	313	24	5.512.613.754.930	1.903.768.603.109
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	25	8.543.652.593	28.178.190.817
5. Phải trả người lao động	315		8.556.918.839	8.553.370.006
6. Chi phí phải trả	316	26	304.147.492.313	341.240.648.108
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	27	401.997.554.135	310.244.621.551
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(7.503.561.073)	4.911.712.338
II. Nợ dài hạn	330		137.431.621.538	67.144.714.708
1. Vay và nợ dài hạn	334	28	38.077.746.640	1.071.505.306
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	10.197.719.208	13.907.313.186
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	304.246.800
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	29	89.156.155.690	51.861.649.416
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.743.752.964.187	2.714.357.710.413
I. Vốn chủ sở hữu	410	30	2.743.752.964.187	2.714.357.710.413
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(29.710.000)	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(18.764.312.623)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.731.619.459	35.731.619.459
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		41.255.373.275	37.851.477.686
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500.000.000	500.000.000
7. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.333.704.318.547)	159.038.925.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.404.082.421.950	7.392.461.292.127

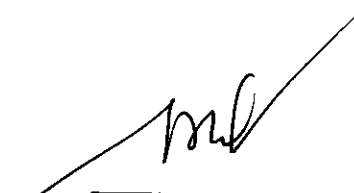
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



CHỈ TIÊU

1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)
2. Ngoại tệ các loại (USD)
3. Ngoại tệ các loại (EUR)

	31/12/2012	31/12/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại (USD)		77.418
3. Ngoại tệ các loại (EUR)		8


 Vũ Thị Châm
 Người lập


 Phạm Tiên Đạt
 Kế toán trưởng


 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

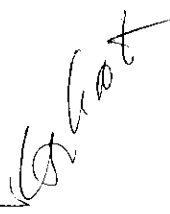
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

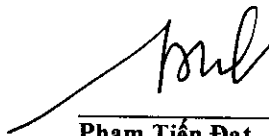
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.421.785.134.765	3.599.511.622.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	12.908.874	29.483.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	31	1.421.772.225.891	3.599.482.138.536
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	1.422.835.194.231	3.300.758.733.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(1.062.968.340)	298.723.404.723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	102.093.496.519	325.549.496.658
7. Chi phí tài chính	22	34	678.884.812.016	326.998.117.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113.171.252.024	125.767.757.173
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	35	792.242.514.539	268.623.466.238
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(1.370.096.798.376)	28.651.318.108
10. Thu nhập khác	31		2.036.696.518	3.670.633.399
11. Chi phí khác	32		537.769.182	1.872.200.570
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.498.927.336	1.798.432.829
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.368.597.871.040)	30.449.750.937
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	-	-
15. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	337.585.220	(330.428.556)
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.368.935.456.260)	30.780.179.493



Vũ Thị Châm
Người lập

Ngày 18 tháng 3 năm 2013



Phạm Tiên Đạt
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phó Giám đốc
Đào Ngọc Hưng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	
		Năm 2012	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(1.368.597.871.040)	30.449.750.937
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.558.368.890	10.961.083.696
Các khoản dự phòng	03	1.053.723.333.710	204.685.295.062
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(9.494.877.145)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(67.658.962.617)	(308.868.700.755)
Chi phí lãi vay	06	113.171.252.024	125.767.757.173
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(267.298.756.178)	62.995.186.113
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.246.702.528.498)	(550.711.174.581)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(57.601.656.209)	(225.881.116.890)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.480.135.517.543	1.256.973.197.483
Thay đổi chi phí trả trước	12	30.672.939.728	5.015.570.274
Tiền lãi vay đã trả	13	(77.304.227.818)	(106.301.120.610)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.099.270.619)	(14.916.517.919)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.778.157.376.555)	(34.329.857.650)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(936.355.358.606)	392.844.166.220
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.049.030.737)	(67.335.610.064)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	537.631.583
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(381.220.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	165.520.447.514
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.000.000.000)	(1.063.256.873.451)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	131.176.970.000	626.364.106.099
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.347.129.435	155.193.441.485
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	120.475.068.698	(564.196.856.834)

10/1
 T
 H
 T
 A
 P

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đồng	31	1.375.000.000.000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(29.710.000)	-
3. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	466.000.000.000	1.451.803.122.202
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.001.279.908.013)	(1.265.678.401.837)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(1.428.673.752)	(1.428.673.752)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>838.261.708.235</i>	<i>184.696.046.613</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>22.381.418.327</i>	<i>13.343.355.999</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>214.241.949.240</i>	<i>200.898.593.241</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>236.623.367.567</i>	<i>214.241.949.240</i>

Thông tin hỗ sung cho các khoản phi tiền tệ


Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 157.000.000.000 VND, là số tiền góp vốn thông qua công nợ phải thu vào các công ty con. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và phải thu.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 11.581.440.000 VND, là số tiền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và phải trả

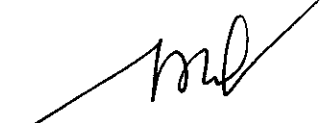
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 263.939.210.000 VND, là số tiền bán một số khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư ngắn hạn chưa thu được tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và phải thu.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đồng trong năm không bao gồm số tiền 125.000.000.000 VND, là cổ tức trả bằng cổ phiếu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm số tiền 91.361.184.288 VND là tiền đã bị một số ngân hàng giữ để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do các công ty con của Tổng Công ty không thực hiện thanh toán đúng hạn các khoản nợ đến hạn tại các ngân hàng này và số tiền 1.665.609.000.000 VND là số tiền nhận ứng trước của Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 để mở L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.



Vũ Thị Châm
Người lập



Phạm Tiến Đạt
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 4 năm 2012.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 4 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.330.000 VND, chiếm 54,54%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 451 người (31 tháng 12 năm 2011: 477 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong năm, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty giảm mạnh so với năm 2011, lỗ phát sinh với số tiền là khoảng 1.368 tỷ VND, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh âm khoảng 936 tỷ VND dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoảng 1.098 tỷ VND (Thuyết minh số 23) và dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 643 tỷ VND (Thuyết minh số 38). Vấn đề hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2013 để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Tổng Công ty sẽ nhận được nguồn doanh thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Phương tiện vận tải	5 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

TH
P
C
D
N
01
ÔN
NH
EL
ỆT
DA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
 - (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị thực hiện được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 18.764.312.623 VND và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 18.764.312.623 VND và số dư khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ tăng 18.764.312.623 VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế hoãn lại được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH

Theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 10 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2011 cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Các khoản điều chỉnh chủ yếu bao gồm:

- Tăng khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chi phí tài chính với số tiền 125.391.607.458 VND chủ yếu do Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long do khoản lỗ của công ty này nằm trong kế hoạch lỗ 3 năm kể từ ngày Nhà máy xi măng đi vào hoạt động.
- Tăng phải thu khác với số tiền 4.797.771.729 VND, tăng giá vốn hàng bán với số tiền 47.977.717.289 VND, tăng phải trả người bán với số tiền 52.775.489.018 VND liên quan đến việc điều chỉnh giảm giá chi phí liên quan đến công trình kho lạnh LPG do Kiểm toán Nhà nước kết luận chưa đủ điều kiện để điều chỉnh giảm giá.
- Tăng hàng tồn kho - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và phải trả khác số tiền 29.583.388.258 VND là chi phí tư vấn thiết kế đã nghiệm thu của nhà thầu liên quan đến công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Giảm doanh thu và người mua trả tiền trước số tiền 11.131.188.418 VND, giảm giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tương ứng với số tiền 9.192.911.727 VND do chưa hoàn thành mốc thi công liên quan đến công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.
- Tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tăng phải trả khác số tiền 15.030.542.964 VND liên quan đến lãi phạt chậm trả của dự án Soài Rạp.

00.
TY
HUU
TE
AN
TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)**

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

Đơn vị: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011		31/12/2011
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.544.461.529.341	29.131.239.044	1.573.592.768.385
Hàng tồn kho	275.355.780.559	23.619.381.372	298.975.161.931
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	38.387.546.782	325.970.258	38.713.517.040
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	783.720	1.157.285.666	1.158.069.386
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	141.037.462.452	15.030.542.964	156.068.005.416
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(94.266.225.226)	(125.391.607.458)	(219.657.832.684)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.563.276.545	2.483.902.653	4.047.179.198
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ ngắn hạn			
Phải trả người bán	325.881.160.849	52.695.489.018	378.576.649.867
Người mua trả tiền trước	1.892.637.414.691	11.131.188.418	1.903.768.603.109
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	35.303.790.964	(7.125.600.147)	28.178.190.817
Phải trả người lao động	10.223.170.006	(1.669.800.000)	8.553.370.006
Chi phí phải trả	340.683.699.114	556.948.994	341.240.648.108
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	257.134.937.133	53.109.684.418	310.244.621.551
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	13.907.313.186	13.907.313.186
NGUỒN VỐN			
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	335.287.435.279	(176.248.509.388)	159.038.925.891

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2011		Năm 2011
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
Danh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.610.642.810.590	(11.131.188.418)	3.599.511.622.172
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.258.734.661.930	42.024.071.883	3.300.758.733.813
Doanh thu hoạt động tài chính	323.132.507.098	2.416.989.560	325.549.496.658
Chi phí tài chính	201.606.509.577	125.391.607.458	326.998.117.035
Chi phí quản lý doanh nghiệp	270.326.662.238	(1.703.196.000)	268.623.466.238
Thu nhập khác	2.677.906.126	992.727.273	3.670.633.399
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.608.856.071	(8.608.856.071)	-
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(11.753.839.089)	11.423.410.533	(330.428.556)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	207.028.688.881	(176.248.509.388)	30.780.179.493

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2011		Năm 2011
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh
1. Lợi nhuận trước thuế	203.883.705.863	(173.433.954.926)	30.449.750.937
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Các khoản dự phòng	79.293.687.604	125.391.607.458	204.685.295.062
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	111.037.533.581	(48.042.347.468)	62.995.186.113
Thay đổi các khoản phải thu	(530.029.084.733)	(20.682.089.848)	(550.711.174.581)
Thay đổi hàng tồn kho	(202.261.735.518)	(23.619.381.372)	(225.881.116.890)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	1.164.629.378.795	92.343.818.688	1.256.973.197.483

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.193.411.786	8.209.850.975
Tiền gửi ngân hàng	175.429.955.781	141.032.098.265
Các khoản tương đương tiền (i)	60.000.000.000	65.000.000.000
	236.623.367.567	214.241.949.240

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	70.100.000.000	6.936.563.433
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess	-	6.936.563.433
Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	14.600.000.000	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư	3.500.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
	70.100.000.000	6.936.563.433

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	337.048.552.452	298.918.500.058
Phải thu các bên khác	165.835.488.837	99.443.932.644
	502.884.041.289	398.362.432.702

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty công nghiệp DEALIM (*)	2.060.095.613.280	-
Tập đoàn Sojitz (*)	367.860.302.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng PVC- IMICO	238.834.378.722	318.776.420.540
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	281.664.490.448	206.937.767.821
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	178.768.610.892	137.484.812.292
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	140.179.940.493	85.367.879.885
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.483.025.830	29.646.872.182
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	5.000.000.000	188.113.486.094
Các khoản khác	306.910.815.005	331.772.710.742
	<u>3.671.797.176.920</u>	<u>1.298.099.949.556</u>

(*) Khoản trả trước cho liên danh nhà thầu Sojitz và Dealim liên quan đến hợp đồng mua thiết bị dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	215.842.638.244	260.668.242.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	198.999.199.967	182.751.484.890
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	146.218.545.419	166.198.719.094
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	118.295.555.492	109.683.203.889
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	113.850.000.000	113.850.000.000
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	98.777.387.739	96.860.021.742
Công ty TNHH VNT	65.215.840.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	34.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	33.805.997.863	37.247.261.205
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	27.075.990.000	27.075.990.000
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	21.328.869.681	26.179.097.064
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	20.400.000.000	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	17.226.972.263	16.630.270.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	15.396.031.570	15.396.031.570
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng	15.000.000.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam	13.528.689.385	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Miền Trung	12.423.479.775	12.423.479.775
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10.410.594.852	172.987.110.545
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	7.968.124.019	78.709.258.027
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí	5.400.000.000	110.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (*)	45.477.848.975	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (*)	39.213.925.313	-
Các khoản phải thu khác	77.494.778.210	127.932.598.474
Tổng cộng	<u>1.407.850.468.767</u>	<u>1.573.592.768.385</u>

(*) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội thể hiện khoản tiền các ngân hàng này đã cắt từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đã ký.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	356.576.818.140	298.975.161.931
	356.576.818.140	298.975.161.931

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang xây dựng dở dang, tại ngày 31/12/2012, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2	132.712.081.534	38.985.650.841
NMNĐ Vũng Áng và NMNĐ Quảng Trạch	103.124.445.796	21.452.926.134
Kho chứa LPG lạnh	18.778.325.753	115.291.438.076
Các công trình khác	101.961.965.057	123.245.146.880
	356.576.818.140	298.975.161.931

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	8.409.227.473	10.812.754.283
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	1.681.380.553.077	50.000.000
Tổng cộng	1.689.789.780.550	10.862.754.283

(*) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn bao gồm số tiền 1.665.609.000.000 VND là số tiền ký quỹ để mở L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/VCB-PVC ký ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	27.959.629.695	1.936.919.387	13.186.197.378	18.651.778.127	61.734.524.587
Tăng do mua sắm	-	428.040.720	7.197.742.726	424.959.932	8.050.743.378
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.054.181.800)	-	(1.054.181.800)
Tại ngày 31/12/2012	27.959.629.695	2.364.960.107	19.329.758.304	19.076.738.059	68.731.086.165
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	2.925.520.468	1.220.969.980	4.744.029.123	10.577.497.362	19.468.016.933
Khấu hao trong kỳ	1.808.070.576	315.747.401	1.988.428.091	5.131.311.654	9.243.557.722
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.054.181.800)	-	(1.054.181.800)
Tại ngày 31/12/2012	4.733.591.044	1.536.717.381	5.678.275.414	15.708.809.016	27.657.392.855
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	23.226.038.651	828.242.726	13.651.482.890	3.367.929.043	41.073.593.970

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	76.500.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	204.000.000.000	54%	54%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i)(ii)	Hà Nội	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cần Thơ	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Hà Nội	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
11	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	201.637.505.565	36%	36%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) (i)	Hải Phòng	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
15	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	30%	82%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Tổng cộng			2.490.966.051.563			

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-HN, PVC-ME, PVC-Thanh Hóa, PVC-Đông Đô, PVC-Petroland và PVC-Duyên Hải nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo Nghị quyết số 1928/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc “Thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” và Nghị quyết số 491/NQ-XLDK ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Phê duyệt danh mục các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam”, Tổng Công ty duy trì các công ty này là nhóm các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây lắp và kinh doanh bất động sản. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

- (ii) Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán dự án tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (Giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói của dự án số 59/2009-EPC ngày 12 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí là 50.098.000 USD, giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, toàn bộ phần giá trị tăng thêm này chưa được thống nhất và ký phụ lục hợp đồng bổ sung với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (chủ đầu tư dự án). Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (Công ty con của Tổng Công ty) chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị tăng thêm theo kết quả thẩm tra nêu trên. Theo đó, Tổng Công ty chưa xem xét bất kỳ ảnh hưởng nào của giá trị tăng thêm này đến lợi nhuận trong năm 2012; do đó, không có khoản dự phòng nào được trích lập và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính này.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	332.688.907.055	671.188.907.055

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại 31/12/2012 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	26%	26%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	100.000.000.000	27%	27%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC-FECON	Hà Nam	37.500.000.000	25%	25%	Sản xuất công nghiệp
6	Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
Tổng cộng			<u><u>332.688.907.055</u></u>			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

Đầu tư dài hạn khác	31/12/2012		31/12/2011
	VND	%	VND
1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000
2 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	16%	136.068.065.000
3 Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)	86.100.000.000	14%	86.100.000.000
4 Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	33.700.000.000	11%	33.700.000.000
5 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	30.000.000.000	10%	30.000.000.000
6 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000
7 Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199
8 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	13.200.000.000	6%	13.200.000.000
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000
10 Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.200.000.000	13%	10.200.000.000
11 Các khoản đầu tư dài hạn khác	17.542.988.800		23.042.988.800
	526.876.021.999		532.376.021.999

Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc trích lập dự phòng được Tổng Công ty lập dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các công ty. Với các công ty có báo cáo tài chính chưa được kiểm toán, Tổng Công ty dựa trên báo cáo tài chính trước kiểm toán. Với những công ty chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

20. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	182.724.696.097	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	86.366.518.273	49.509.867.088
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	69.205.150.138	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	60.072.346.982	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	34.553.635.785	-
Công ty Cổ phần khách sạn Lam Kinh	13.034.266.422	-
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con khác	6.220.724.158	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên kết		
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	15.708.684.066	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	65.612.517.617	19.714.440.667
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết khác	6.306.675.235	1.398.609.839
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (*)	147.300.000.000	143.324.809.747
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao Sopewaco	10.200.000.000	5.710.105.343
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	2.467.251.835	-
	699.772.466.608	219.657.832.684

(*) Phần lớn khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long được trích lập hồi tố vào báo cáo năm 2011 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	107.827.598.349	121.802.903.380
Chi phí dài hạn khác	6.259.409.089	12.269.373.081
	<u>114.087.007.438</u>	<u>134.072.276.461</u>

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Đánh giá lại quyền sử dụng đất		Khác	Tổng cộng
	VND	VND		
Tại ngày 01/01/2011	(14.237.741.742)	4.047.179.198	-	(10.190.562.544)
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	330.428.556	-	-	330.428.556
Tại ngày 01/01/2012	(13.907.313.186)	4.047.179.198	-	(9.860.133.988)
Chuyển sang (lỗ) trong năm	3.709.593.978	(4.047.179.198)	-	(337.585.220)
Tại ngày 31/12/2012	<u>(10.197.719.208)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(10.197.719.208)</u>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(10.197.719.208)	(13.907.313.186)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.047.179.198
	<u>(10.197.719.208)</u>	<u>(9.860.133.988)</u>

Tại ngày 31/12/2012, Tổng Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.368.935.456.260 VND có thể khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tương ứng với số lỗ trên do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

23. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	1.098.797.418.550	1.634.056.397.458
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (ii)	1.058.097.418.550	1.193.097.418.550
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	40.700.000.000	189.689.301.980
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	151.048.743.243
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	80.699.475.685
	-	19.521.458.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 28)	10.590.941.966	1.428.673.752
	<u>1.109.388.360.516</u>	<u>1.635.485.971.218</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Trong đó các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC đã quá hạn từ ngày 21 tháng 10 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn là 8,25%/năm, Hợp đồng tín dụng số 602/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn 7,35%/năm, số 603/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 5 năm 2012 và phải chịu lãi suất quá hạn 7,35%/năm. Tổng số nợ gốc quá hạn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.058.097.418.550 VND
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17 và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước chủ yếu là số tiền nhận trước từ Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với số tiền 5.062.596.312.402 VND liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phải nộp tại 01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp tại 31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	27.081.909.211	6.923.036.709	28.057.895.952	5.947.049.968
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.891.685.747	4.891.685.747	-
Thuế nhập khẩu	-	15.366.898	15.366.898	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.157.285.666)	-	20.099.270.619	(21.256.556.285)
Thuế thu nhập cá nhân	1.096.281.606	7.600.115.705	7.223.221.771	1.473.175.540
Tiền thuế đất	-	25.689.650	25.689.650	-
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
Thuế khác	(783.720)	88.544.593	88.544.593	(783.720)
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	9.236.595.755	8.113.168.670	1.123.427.085
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.020.121.431	28.791.035.057	68.524.843.900	(12.713.687.412)

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.158.069.386	21.257.340.005
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.178.190.817	8.543.652.593

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	293.839.535.977	331.365.257.281
Chi phí phải trả khác	10.207.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	35.784.533.222	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	217.997.366.364	216.356.097.064
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	97.319.407.289	3.029.191.529
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	15.030.542.964	15.030.542.964
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	6.936.563.433	6.936.563.433
Nhà thầu Worley Parsons	-	29.583.388.258
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	28.929.140.863	39.308.838.303
	<u>401.997.554.135</u>	<u>310.244.621.551</u>

(i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm: (i) giá trị 10.000.000 cổ phần nhận chuyển nhượng với giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20/9/2010, (ii) giá trị 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15/7/2010 ký với PetroVietnam, và (iii) vốn PetroVietnam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Soài Ráp - Tiền Giang.

(ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty con theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Trong đó, số lãi vay quá hạn phải trả khoảng 88.891.803.440 VND.

28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	38.077.746.640	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)	38.077.746.640	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.071.505.306
	<u>38.077.746.640</u>	<u>1.071.505.306</u>

(i) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương thể hiện khoản vay nhận chuyển nhượng lại từ Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí theo Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ ba bên giữa Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận lại khoản vay trung hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND và có quyền nhận chuyển nhượng một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn trên với giá trị tạm tính theo hợp đồng là 78.198.237.684 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí vẫn chưa chuyển giao quyền sở hữu những tài sản này cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam do Tổng Công ty đang chờ kết quả của tổ chức thẩm định giá độc lập và tổ thẩm định của Tổng Công ty về giá trị các máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải này để trình Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt. Khoản vay có thời hạn đến ngày 03 tháng 9 năm 2015 với lãi suất trong năm 2012 là 15%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.590.941.966	1.428.673.752
Trong năm thứ hai	19.038.873.320	1.071.505.306
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.038.873.320	-
	48.668.688.606	2.500.179.058
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.590.941.966	1.428.673.752
Số phải trả sau 12 tháng	38.077.746.640	1.071.505.306

29. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hợp đồng cho thuê văn phòng	43.964.892.796	51.577.622.143
Hợp đồng cho thuê đất	44.907.235.621	-
Hợp đồng khác	284.027.273	284.027.273
	89.156.155.690	51.861.649.416

ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

yết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc VCSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	2.500.000.000.000	-	-	22.654.858.520	16.056.876.120	-	182.932.937.083	2.721.644.671.723
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	30.780.179.493	30.780.179.493
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(54.674.190.685)	(19.302.828.180)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-	(18.764.312.623)	-	-	-	-	(18.764.312.623)
Tại ngày 01/01/2012	2.500.000.000.000	-	(18.764.312.623)	35.731.619.459	37.851.477.686	500.000.000	159.038.925.891	2.714.357.710.413
Vốn góp trong năm (i)	1.375.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.375.000.000.000
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(1.368.935.456.260)	(1.368.935.456.260)
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	-	-	(3.403.895.589)	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	125.000.000.000	-	-	-	3.403.895.589	-	-	-
Điều chỉnh giám quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	-	(125.000.000.000)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	18.764.312.623	-	-	-	4.596.107.411	4.596.107.411
Mua lại cổ phiếu trong năm	-	(29.710.000)	-	-	-	-	-	18.764.312.623
Tại ngày 31/12/2012	4.000.000.000.000	(29.710.000)	-	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(1.333.704.318.547)	2.743.752.964.187

i) Tổng Công ty phát hành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết số 108/NQ-XLDK ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tổng số vốn phát hành thêm là 1.500.000.000.000 VND, bao gồm:

- Vốn góp bằng tiền: 1.375.000.000.000 VND (Một nghìn ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 125.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)

ii)

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết số 655/NQ-XLDK ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Quản trị như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính được trích là: 3.403.895.589 VND (tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu).
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích là 3.403.895.589 VND (tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế). Mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 655/NQ-XLDK ngày 28 tháng 12 năm 2012 giảm so với mức tại Nghị quyết 275/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2012. Do trước đó đã thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết 275, vì vậy Tổng Công ty đã điều chỉnh lại việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức mới được phê chuẩn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 12 ngày 19 tháng 4 năm 2012, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.181.733.330.000	54,55%	1.030.222.220.000	41,21%
Quỹ Market Vectors ETF Trust - Market Vectors - Vietnam ETF	194.490.680.000	4,86%	125.688.180.000	5,03%
Các cổ đông khác	1.623.775.990.000	40,59%	1.344.089.600.000	53,76%
	4.000.000.000.000	100%	2.500.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2012	31/12/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi	400.000.000	250.000.000
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	2.971	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	250.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

31. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.410.073.276.523	3.567.911.643.279
Doanh thu bán hàng	-	11.946.895.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.711.858.242	19.653.083.438
	1.421.785.134.765	3.599.511.622.172
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	12.908.874	29.483.636
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.421.772.225.891	3.599.482.138.536

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.413.203.760.198	3.276.899.872.125
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	12.156.340.289
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.631.434.033	11.702.521.399
	1.422.835.194.231	3.300.758.733.813

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phần	-	85.432.863.700
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.011.878.131	222.301.072.413
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.322.781.396	8.212.304.202
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.132.719	1.663.835.704
Doanh thu hoạt động tài chính khác	26.709.704.273	7.939.420.639
	102.093.496.519	325.549.496.658

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	-	4.660.550.000
Chi phí lãi vay	113.171.252.024	125.767.757.173
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (*)	480.114.633.924	194.317.676.768
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	35.784.533.222	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.817.661.628	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.494.877.145	-
Chi phí tài chính khác	10.501.854.073	2.252.133.094
	678.884.812.016	326.998.117.035

(*) Việc trích lập dự phòng được Tổng Công ty lập dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các công ty. Với các công ty có báo cáo tài chính chưa được kiểm toán, Tổng Công ty dựa trên báo cáo tài chính trước kiểm toán. Với những công ty chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lương	121.295.531.466	141.200.817.941
Chi phí vật liệu quản lý	3.595.571.454	3.135.621.386
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.419.890.389	11.546.973.347
Chi phí khấu hao	10.638.204.982	8.925.696.687
Thuế, phí, lệ phí	1.003.775.508	1.498.867.719
Chi phí dự phòng	537.824.166.564	10.320.136.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.514.021.789	29.096.211.208
Chi phí bằng tiền khác	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.015.461.843	14.682.594.733
Chi phí nhân công	121.295.531.466	141.200.817.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.558.368.890	10.961.083.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.523.034.483.829	3.551.766.717.961
Chi phí dự phòng	537.824.166.564	10.320.136.494
Chi phí khác	66.951.352.387	60.863.754.447
	2.272.679.364.979	3.789.795.105.272

37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.368.597.871.040)	30.449.750.937
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(49.200.594.922)	(126.442.743.080)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(33.011.878.131)	(126.442.743.080)
- Thu nhập hoãn lại	(16.188.716.791)	-
Cộng:	154.381.979.575	660.857.112
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	14.838.375.910	660.857.112
- Chi phí không được khấu trừ năm nay	12.397.886.155	-
- Các khoản dự phòng	127.145.717.510	-
Thu nhập chịu thuế	(1.263.416.486.387)	(95.332.135.031)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Tổng Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Tổng Công ty không có thu nhập chịu thuế.

10-
 TY
 HỮU H.
 TE
 AM
 P. H.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***38. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

<u>Đơn vị được bảo lãnh</u>	<u>Ngân hàng, tổ chức tín dụng</u>	<u>Thời hạn bảo lãnh</u>	<u>Dư Nợ quá hạn tại ngày 31/12/2012</u>
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	67.296.557.537
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	Từ ngày 30/04/2012 đến ngày 31/12/2012	102.475.863.953
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	51.985.219.871
PVC-ME	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325
PVC-Metal	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/09/2012	14.213.086.927
PVC-IMICO	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PGD Ngô Quyền	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 21/04/2012	99.700.000.000
PVC-MT	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 26/06/2012 đến ngày 26/12/2012	53.890.315.030
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/05/2012 đến ngày 31/12/2012	139.373.924.653
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	99.912.312.503
Tổng cộng			643.160.247.799

Tổng Công ty cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay.

Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND và ghi nhận là khoản phải thu khác, ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã quá hạn là khoảng 643 tỷ VND. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với các khoản thực hiện bảo lãnh nêu trên và đã trích lập dự phòng cho các bảo lãnh quá hạn trên 6 tháng với mức trích lập là 30% (không tính đến khoản bảo lãnh cho khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với giá trị dự phòng khoảng 35,8 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng rằng mức trích lập trên là phù hợp và Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh.

Ngày 06 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận được Biên bản Liên ngành giữa Sở Tài chính Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường, Cục thuế và Tổng Công ty về việc rà soát chi phí liên quan cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, xác định số tiền phải thu và thông báo về thu ngân sách nhà nước, theo Biên bản Liên ngành này Tổng Công ty phải hoàn trả Ngân sách Nhà nước với số tiền 53.971.678.132 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính khoản công nợ phải trả nêu trên và tăng chi phí trong năm do đang tiếp tục làm việc với các ban ngành có liên quan để xác định lại nghĩa vụ công nợ. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng việc chưa ghi nhận công nợ do chưa nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 28 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.147.466.107.156	1.636.556.576.516
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	236.623.367.567	214.241.949.240
Nợ thuần	910.842.739.589	1.422.314.627.276
Vốn chủ sở hữu	2.743.752.964.187	2.714.357.710.413
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,33</u>	<u>0,52</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ tại ngày</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.623.367.567	214.241.949.240
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.335.449.211.138	1.934.494.068.733
Đầu tư ngắn hạn	70.100.000.000	6.936.563.433
Đầu tư dài hạn	366.908.770.164	383.341.106.909
Tổng cộng	<u>2.009.081.348.869</u>	<u>2.539.013.688.315</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.147.466.107.156	1.636.556.576.516
Phải trả người bán và phải trả khác	586.573.721.264	581.161.252.792
Chi phí phải trả	304.147.492.313	341.240.648.108
Tổng cộng	<u>2.038.187.320.733</u>	<u>2.558.958.477.416</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.104.029.990.680	-	2.497.607.540.780	1.612.471.060

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(260.642.244.990)	161.247.106

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 cơ bản

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	(1.787.373.772)
VND	(200)	1.787.373.772
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	200	(8.869.183.159)
VND	(200)	8.869.183.159

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 40.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

001
 ÔN
 NH
 EL
 ET
 SA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.623.367.567	-	236.623.367.567
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.335.449.211.138	-	1.335.449.211.138
Đầu tư tài chính	70.100.000.000	366.908.770.164	437.008.770.164
	1.642.172.578.705	366.908.770.164	2.009.081.348.869
Phải trả người bán và phải trả khác	586.573.721.264	-	586.573.721.264
Chi phí phải trả	304.147.492.313	-	304.147.492.313
Các khoản vay	1.109.388.360.516	38.077.746.640	1.147.466.107.156
	2.000.109.574.093	38.077.746.640	2.038.187.320.733
Chênh lệch thanh khoản thuần	(357.936.995.388)	328.831.023.524	(29.105.971.864)
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.241.949.240	-	214.241.949.240
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.934.494.068.733	-	1.934.494.068.733
Đầu tư tài chính	6.936.563.433	383.341.106.909	390.277.670.342
	2.155.672.581.406	383.341.106.909	2.539.013.688.315
Phải trả người bán và phải trả khác	581.161.252.792	-	581.161.252.792
Chi phí phải trả	341.240.648.108	-	341.240.648.108
Các khoản vay	1.635.485.071.210	1.071.505.306	1.636.556.576.516
	2.557.886.972.110	1.071.505.306	2.558.958.477.416
Chênh lệch thanh khoản thuần	(402.214.390.704)	382.269.601.603	(19.944.789.101)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có tập trung rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas)	647.509.220.905	660.490.854.326
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	171.375.682.448	554.243.358.367
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	113.244.675.371	294.598.951.118
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	56.350.283.910	217.974.003.259
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	29.988.378.147	-
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	21.326.718.657	283.106.216.261
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	16.942.610.641	92.223.065.355
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	7.481.091.839	16.501.335.455
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.293.459.091	113.219.269.079
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	3.161.056.063	61.991.677.698
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	652.511.344	18.636.255.466
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	78.500.000	10.305.847.539
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	34.800.000	14.065.916.555
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu Khí	-	266.107.275.734
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV Pipe)	-	121.493.642.618
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	-	27.757.794.390
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	534.719.123.675	429.497.892.840
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	114.824.048.711	403.036.580.503
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	21.183.921.944	31.910.724.282
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	53.373.104.894	250.731.648.208
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	50.695.550.086	9.853.897.564
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	-	13.780.083.636
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	-	11.251.405.899
Cổ tức được nhận trong năm		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	26.520.000.000	36.720.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	4.590.000.000	18.360.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	-	44.805.092.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	-	19.182.831.667
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	4.080.000.000	16.320.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	-	14.917.500.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	-	2.932.380.450
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	(5.000.000.000)	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC ME)	-	13.058.333.333
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	(3.075.000.000)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	-	16.776.732.500
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	-	3.780.000.000
Công ty cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	-	5.348.870.744
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	51.330.208.208	37.887.480.847
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	2.877.331.292	20.956.229.215
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	5.779.506.854	8.556.583.112

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	89.660.375.990	87.135.079.758
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV Pipe)	56.248.505.924	58.461.664.241
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	51.799.476.392	23.646.018.028
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên Hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	26.616.483.849	52.200.283.001
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	19.627.273.188	19.627.273.188
Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas)	15.035.637.017	9.446.793.927
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	14.582.219.744	766.791.666
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	13.562.979.117	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế (Heerim-PVC)	12.146.515.750	15.002.995.750
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	5.118.148.406	10.039.648.406
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	215.842.638.244	260.668.242.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	198.999.199.967	182.751.484.890
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	146.218.545.419	166.198.719.094
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	118.295.555.492	109.683.203.889
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	113.850.000.000	113.850.000.000
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	98.777.387.739	96.860.021.742
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	45.477.848.975	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	33.805.997.863	37.247.261.205
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	27.075.990.000	27.075.990.000
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	21.328.869.681	26.179.097.064
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	20.400.000.000	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	17.226.972.263	16.630.270.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	15.396.031.570	15.396.031.570
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng	15.000.000.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	13.528.689.385	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	12.423.479.775	12.423.479.775
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	10.410.594.852	172.987.110.545
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	7.968.124.019	78.709.258.027
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	5.400.000.000	110.400.000.000
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	281.664.490.448	23.824.281.727
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	238.834.378.722	318.776.420.540
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	178.768.610.892	137.484.812.292
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	140.179.940.493	85.367.879.885
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	92.483.025.830	29.646.872.182
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình	43.817.000.000	43.817.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Trường Sơn	38.248.003.205	59.953.953.122
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí I	29.593.734.400	29.593.734.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Kinh Bắc	14.556.466.443	4.460.334.858
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hòa Bình	11.265.246.973	8.671.238.400
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 3C	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần Xây Lắp Dầu Khí 2	-	32.028.967.165

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo):

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	14.545.163.199	43.176.688.538
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học	16.443.993.926	91.472.374.478
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt	7.918.751.144	7.842.655.026
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	164.771.418.256	95.892.903.218
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	5.062.596.312.402	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	9.622.211.521	21.280.826.715
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	47.461.902.795	171.027.698.059
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	6.281.576.626	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	13.223.326.772	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	5.916.929.321	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	6.342.173.567	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	8.094.381.333	-
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.058.097.418.550	1.193.097.418.550
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	-	19.521.458.000

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Theo Công văn số 3405/DKVN-HĐTV ngày 04 tháng 5 năm 2012 của PVN trình Thủ tướng chính phủ về việc xử lý các phát sinh chưa lường hết của Hợp đồng EPC-Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Nhà thầu chưa lường hết các rủi ro, phần việc phát sinh ngoài giá trị hợp đồng đã ký dự kiến khoảng 1.121 tỷ VND, giá trị Nhà thầu kiến nghị giải quyết là 1.042 tỷ VND và giá trị Ban QLDA kiến nghị giải quyết là 735 tỷ VND. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 31 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt, dự toán phát sinh được các đơn vị tư vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Theo hướng dẫn tại Công văn số 9650/DKVN-XD ngày 12 tháng 12 năm 2012 về “phương án xác định các phát sinh chưa lường hết của hợp đồng EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1”, Tổng Công ty đã trình Công văn số 409/XLDK-KTĐT ngày 31 tháng 01 năm 2013 gửi cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về “bóc tách khối lượng và lập giá trị các hạng mục do PVC thi công tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1”. Theo đó, Tổng Công ty đề nghị Tập đoàn xem xét điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án và xử lý các phát sinh chưa lường hết của dự án với tổng giá trị đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thêm là khoảng 1.313 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

42. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 06 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận được Biên bản Liên ngành giữa Sở Tài chính Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường, Cục thuế và Tổng Công ty về việc rà soát chi phí liên quan cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, xác định số tiền phải thu và thông báo về thu ngân sách nhà nước, theo Biên bản Liên ngành này Tổng Công ty phải hoàn trả Ngân sách Nhà nước với số tiền 53.971.678.132 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính khoản công nợ phải trả nêu trên và đối ứng vào chi phí trong năm do đang tiếp tục làm việc với các ban ngành có liên quan để xác định lại nghĩa vụ công nợ.

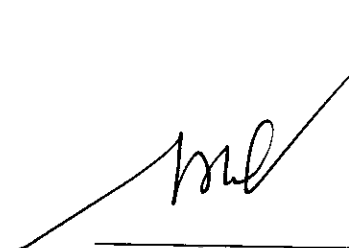
43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.


Vũ Thị Châm
Người lập

Ngày 18 tháng 3 năm 2013


Phạm Tiến Đạt
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc
Đôi Ngọc Hùng